

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 556/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Phan Trần Phương N, sinh năm 19xx; thường trú: Đường P, phường A, thành phố U, tỉnh V ; cư trú : Đường O, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Quang H , sinh năm 1986; thường trú: Đường I, Phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú : Đường Đ, Phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 1xx/201x, quyền số 0x/201x, đăng ký ngày xx/xx/201x tại Ủy ban nhân dân Phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Phan Trần Phương N và ông Nguyễn Quang H là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Trần Phương N và ông Nguyễn Quang H thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Hai bên khai nhận không có .
- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai nhận không có.
- Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà N và ông H chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Trần Phương N và ông Nguyễn Quang H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên khai nhận không có.

- Về tài sản chung: Hai bên khai nhận không có.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà Phan Trần Phương N và ông Nguyễn Quang H chịu toàn bộ và được căn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án do hai bên đương sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/00166xx ngày 0x/x/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- CCTHADS quận Tân Bình;
- UBND Phường K, Q. T, Tp. Hồ Chí Minh
(để ghi vào sổ hộ tịch) theo Giấy CNKH số: xxx/201x,
quyển số 0x/201x, đăng ký ngày 28/10/201x;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Bích Thảo